

Sự biến đổi của các truyền thống gia đình nông thôn trong quá trình hiện đại hóa: phác thảo theo các kết quả điều tra xã hội học gần đây

PHÍ VĂN BA *

Xã hội là sản phẩm của sự tác động lẫn nhau giữa người với người. Nhưng con người bao giờ cũng chỉ được sản sinh ra và bắt đầu quá trình xã hội hoá thành con người xã hội từ trong một cơ cấu nền tảng - đó là gia đình. Do đó mỗi con người xã hội luôn mang trong phẩm chất của nó dấu ấn của những điều kiện, tập tục, truyền thống và sự giáo dục của mỗi gia đình mà từ đó nó đã bắt đầu quá trình xã hội hóa bản thân. Với những dấu ấn mang tính nhân cách riêng ấy con người tham gia vào các quan hệ xã hội. Như thế, gia đình với các truyền thống của nó có vai trò quyết định trong việc duy trì và tái tạo xã hội cả về lượng và chất.

Mặt khác, các yếu tố và quá trình tiến hóa xã hội, thông qua ý thức của mỗi con người lại tác động ngược trở lại, làm cho gia đình cùng với những truyền thống của nó luôn luôn vận động, biến đổi theo các quy luật tiến hoá chung của xã hội.

Trong các quan hệ tác động qua là này, gia đình luôn thể hiện sự độc lập tương đối do tính bảo thủ, tính "ngoan cố" (persistence) của nó. Chính điều này tạo cho gia đình khả năng gạt lọc các tác động của quá trình hiện đại hóa, bảo đảm sự cân bằng hợp lý trong quá trình kế thừa và phát triển.

Vì vậy nghiên cứu sự biến đổi của các truyền thống, tập tục gia đình không chỉ cho phép phác họa một bức tranh hiện thực về các kết quả tác động của quá trình hiện đại hóa xã hội lên gia đình mà điều quan trọng hơn là từ đó có thể tìm ra những mô hình hệ thống gia đình hợp lý, những yếu tố khuyến khích vai trò "điều tiết" tích cực của gia đình lên các quá trình xã hội. Các cuộc điều tra xã hội học về gia đình nông dân Việt Nam đã được thực hiện từ nhiều năm nay trong những chương trình nghiên cứu về nông thôn do Viện xã hội học tiến hành. Gần đây (đầu năm 1990) chúng tôi đã tiến hành điều tra xã hội học về gia đình và họ tộc ở đồng bằng Bắc Bộ, ven biển Trung Bộ và 1200 mẫu ở đồng bằng sông Cửu Long. Do điều kiện xử lý số liệu, ở bài này chúng tôi chưa đề cập đến cuộc khảo sát ở đồng bằng sông Cửu Long.

Tại Văn Nhân (Phú Xuyên, tỉnh Hà Sơn Bình) chúng tôi đã tìm hiểu các mẫu gia đình (55) thuộc ba họ tộc: Nguyễn (có 649 người), Phùng (545 người) và Trần (259 người). Các họ khác sinh sống tại đây (Vũ: 239 người, Tạ: 79, Lê: 109, Hoàng: 121, Đỗ: 61, Phạm: 15 người) chúng tôi chưa có điều kiện tìm hiểu kỹ. Họ Nguyễn hiện có 11 chi, chiếm khoảng trên 40% dân cư thôn Chanh. Họ Phùng hiện có 7 chi, chiếm khoảng 90% dân cư thôn Văn Minh. Họ Trần gồm 6 chi, chiếm khoảng 40% dân cư thôn Nhân Vực (theo số liệu của xã và các Hội đồng họ tộc này). Các mẫu được chọn theo ba nhóm tuổi: 60 đến 83 (tuổi thọ cao nhất tại thời điểm nghiên cứu ở họ Nguyễn) 40-55 và 20-35. Để đối sánh, chúng tôi đã tìm hiểu thêm một số mẫu ở xã La Phù (Hoài Đức-hà Nội).

Tại xã Điện Hồng (Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam-dà Nẵng) chúng tôi đã nghiên cứu các mẫu gia đình (54) họ Lê (chiếm khoảng 50% dân cư trong xã), họ Nguyễn (10%), họ Trần (10%), họ Phan (9%), họ Phạm (5%). Các họ khác (Hồ, Thiều, Đoàn, Võ, Hà, Thái, Ngô, Huỳnh, Cao) chiếm tỷ lệ rất thấp trong dân cư địa phương, chúng tôi chưa có điều kiện tìm hiểu.

Những biến đổi của các truyền thống và tập tục gia đình được xem xét trong bốn lĩnh vực quan hệ: trong tạo lập gia đình, tổ chức đời sống gia đình, văn hoá gia đình, các quan hệ gia đình - họ mạc - làng xóm.

Do những hạn hẹp về thời gian và kinh phí, các cuộc điều tra xã hội học này còn rất hạn chế về quy mô và chiều sâu. Tuy nhiên, với các kết quả thu được có thể nêu lên một số nhận xét ban đầu về những biến đổi của

* Cán bộ nghiên cứu Viện Xã hội học.

truyền thống gia đình nông thôn Việt Nam sau những biến động lớn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong những thập kỷ qua.

I. CÁC TRUYỀN THỐNG VÀ TẬP TỤC TRONG TẠO LẬP GIA ĐÌNH

1. Các thủ tục hôn nhân

Trong qua niệm của người nông dân Việt Nam, hôn nhân được coi là sự kiện rất thiêng liêng, trọng đại của cả gia đình, họ hàng, và do đó trong những giai đoạn lịch sử lâu dài trước đây, bố mẹ giành toàn quyền sắp đặt, con cái nhất thiết phải tuân theo sự sắp đặt ấy.

Để đánh giá sự thay đổi truyền thống, tập tục về việc tìm hiểu và quyết định hôn nhân chúng tôi đã phỏng vấn về các tiêu chuẩn lựa chọn con dâu đối với hai nhóm tuổi 60-83 và 40 - 55, và lựa chọn vợ tương lai đối với nhóm tuổi 20-35.

Các kết quả thu được cho thấy ba điểm nổi bật: 1) Nếu như trước đây hôn nhân là vấn đề hoàn toàn do bố mẹ xếp đặt thì hôm nay con cái đã có quyền độc lập tương đối trong các quyết định hôn nhân. Bố mẹ chỉ có vai trò hướng dẫn và tư vấn theo các tiêu chuẩn lựa chọn được coi là nền tảng đạo đức. Trên thực tế, việc "xét duyệt" của bố mẹ cũng chỉ có tính chất thủ tục để bảo đảm hình thức nguyên tắc đạo lý và tính trang trọng của hôn nhân, còn chủ yếu là được thực hiện thông qua những hướng dẫn và khuyên bảo con cái trong quá trình lựa chọn người bạn đời. Đây là nét biến đổi đặc sắc: nó vừa bảo đảm tự do cho thanh niên trong các quyết định hôn nhân, vừa gìn giữ được tính trang trọng của nó theo truyền thống phương Đông, do đó tránh được những bất đồng đối lập trong các quan hệ này. 2) Các tiêu chuẩn "đạo đức cá nhân", "biết làm ăn", "biết cư xử" vẫn giữ được sự đánh giá cao, thống nhất trong cả ba nhóm tuổi, nhưng đã giảm dần tính tuyệt đối của chúng, đồng thời tiêu chuẩn "biết làm ăn" đã ít nhiều nổi lên trên các tiêu chuẩn khác. Phải chăng đó là sự khởi đầu của tư duy hiện thực? 3) Tiêu chuẩn "giàu có" và "học vấn" gần như không được đánh giá trong các câu trả lời. Về tiêu chuẩn "học vấn" thì có lẽ không có gì đáng nghi ngờ - các nghiên cứu bổ sung của chúng tôi đã khẳng định thực tế này. Nhưng về tiêu chuẩn "giàu có" thì cần xem xét lại: tâm lý "sỹ diện" đã làm sai lệch câu trả lời. Một nghiên cứu bổ sung của chúng tôi cho thấy, phần lớn những bậc cha mẹ ở tuổi đang phải lo dựng vợ gả chồng cho con cái (40-55 tuổi) đều cho rằng ở những gia đình nghèo con gái rất khó lấy chồng. Vậy, phải chăng thanh niên không quan tâm đến hoàn cảnh kinh tế của người bạn đời tương lai? Thêm vào đó, nếu 80% thanh niên được hỏi coi "biết làm ăn" là tiêu chuẩn quan trọng để chọn vợ (chồng) thì chắc là họ không hoàn toàn dung dung với sự giàu - nghèo của người bạn đời.

Tính trọng đại của hôn nhân theo quan niệm truyền thống đã đòi hỏi những thủ tục và nghi lễ khắt khe. Những thủ tục và nghi lễ này gắn với tập tục từng địa phương, nhưng nhìn chung có nhiều nét giống nhau ở đồng bằng Bắc Bộ và ven biển Trung Bộ.

Cùng với những biến đổi cơ bản về quyền quyết định hôn nhân các thủ tục hôn nhân rườm rà cũng đã đơn giản hóa đi nhiều: thường chỉ còn lễ hỏi và lễ thành hôn được thực hiện trong một khoảng cách thời gian rất ngắn.

2. Động cơ lập gia đình và quy mô gia đình.

Trong các truyền thống tạo lập gia đình thể hiện rõ nét ý thức hướng tới phát triển như một quá trình vô hạn, được nhìn nhận qua sự tăng trưởng các đơn vị gia đình. Sự phát triển ở đây bao hàm ý thức về sự gây dựng, tạo lập: gây dựng gia đình, cơ ngơi kinh tế cho con cái như những bước kế tục của gia đình, của dòng họ. Tâm lý *gây dựng* tạo nên động cơ phổ biến trong các hành vi hôn nhân: gây dựng gia đình cho con cái trở thành ước muốn khát khao, trách nhiệm tình cảm và đạo lý của các bậc cha mẹ. Người ta mong muốn cho con cái sớm biết lo làm ăn, đồng thời cũng muốn làm tròn bổn phận của mình khi điều kiện còn thuận lợi, khi tuổi già chưa ập đến. Từ đây dễ hiểu một thực tế lịch sử là người nông dân Việt Nam quan tâm rất sớm đến việc dựng vợ gả chồng cho con cái, gây dựng cơ ngơi kinh tế cho con từ khi con cái sắp hoặc vừa mới bước vào tuổi thành niên. Trải qua hàng nghìn năm trong điều kiện xóm làng khép kín, tự cung cấp, tâm lý này đã trở thành những tập quán hành vi phổ biến, được thừa nhận chung trong các cộng đồng nông thôn.

Xuất phát từ ý niệm phát triển như một quá trình sinh sôi tiếp nối vô tận, cộng thêm ảnh hưởng của đạo Phật

và tư tưởng chuộng gốc của Nho giáo, tâm lý *nói dối* đã hình thành và ăn sâu trong suy nghĩ, hành vi, lối sống, văn hóa của người nông dân .

Mặt khác, trong quá khứ các xã hội nông thôn Việt Nam đã chưa hề biết đến sự bảo đảm xã hội nào cho tuổi già, ngoài việc nuôi dưỡng, chăm sóc của con cháu. Cho nên cái công thức "trẻ cậy cha, già cậy con" đã như một định mệnh.

Để nhận diện những sự biến đổi này trên thực tế, chúng tôi đã tìm hiểu các động cơ lập gia đình cho con cháu đối với các nhóm tuổi 60 - 83 và 40 - 55, và động cơ kết hôn đối với nhóm tuổi 20-35. Đồng thời cũng tìm hiểu nguyện vọng của cha mẹ (ông bà) sống chung với con (cháu) đã kết hôn cũng như nguyện vọng của con (cháu) đã kết hôn sống chung với cha mẹ (ông bà) . Các kết quả bước đầu cho phép nhận xét như sau: Thứ nhất, động cơ gây dựng cho con được đánh giá cao nhất trong tất cả các nhóm tuổi (Đối với nhóm tuổi 20-35, chỉ báo này được hiểu là gây dựng kinh tế cho bản thân). Các kết quả này là dễ hiểu, bởi vì nó thể hiện đúng tâm lý và ý thức của người nông dân. Phỏng vấn thêm nhóm tuổi 20-35 câu hỏi: Cái gì là chính nhất khi họ quyết định việc hôn nhân - gây dựng kinh tế hay tình yêu? thì câu trả lời của hầu hết những người được hỏi là: không có sự phân biệt hai nội dung này. Trên thực tế, đối với thanh niên nông thôn Việt Nam (ít ra là cho đến hôm nay), việc yêu đương của nam nữ thanh niên không tách biệt, mà thường là gắn liền với ý thức và dự định lập nghiệp cụ thể.

Thứ hai, tâm lý *nói dối* không thay đổi nhiều giữa các thế hệ. Điều này cũng phù hợp với các kết quả nghiên cứu xã hội học thời gian gần đây. Chẳng hạn, đa số (65,5%) phụ nữ ở lứa tuổi sinh đẻ cảm thấy lo sợ, xấu hổ, không bình thường khi chưa có con trai¹.

Thứ ba, nhờ con lúc tuổi già vốn đã là tâm lý phổ biến. Nhưng khi lo xây dựng gia đình cho con thì điều này lại không được đặt ra như một động cơ, mục đích riêng biệt. ở đây có lẽ có cả hai nguyên nhân. Trong ý thức của người nông dân, nhờ cậy con lúc tuổi già đã là điều đương nhiên hợp đạo trời và lẽ đời, cho nên không còn cần phải đặt ra. Và phải chăng đức hy sinh tuyệt đối và cao thượng cho con cái, vốn là truyền thống của nông dân á Đông nói chung, Việt Nam nói riêng, đã làm cho các bậc cha mẹ không nghĩ đến lợi ích bản thân trong các quan hệ này? Tiếc rằng chúng tôi chưa có điều kiện nghiên cứu sâu vấn đề này, cho nên chưa thể đưa ra sự giải thích cụ thể hơn. Tuy nhiên, có thể khẳng định thực tế này qua các nghiên cứu gần đây. Chẳng hạn, khi tìm hiểu 5 họ tộc lớn ở Diên Hồng (Lê, Phan, Nguyễn, Phạm, Trần), về động cơ lập gia đình cho con chúng tôi thấy tất cả 54 người được hỏi đều không nghĩ đến động cơ nhờ vả khi lo xây dựng gia đình cho con.

Các kết quả thu được về nguyện vọng của cha mẹ sống chung với con cái đã kết hôn và ngược lại phản ánh tồn tại thực tế của gia đình nông dân Việt Nam. Đó là sự hạt nhân hoá không hoàn toàn, tạo ra một kiểu gia đình năm bố mẹ già ở với một trong số con trai đã kết hôn và gia đình anh ta.

Trong các cuộc điều tra mà chúng tôi tiến hành gần đây, hầu hết các gia đình đều coi kiểu gia đình trên và già trình hạt nhân đã là truyền thống từ hàng trăm năm nay. Cho đến nay các kiểu gia đình này vẫn chiếm tuyệt đại đa số. Sự tồn tại tương đối ổn định lâu đời của kiểu gia đình này và giai đình hạt nhân không định tính hợp lý của chúng trong điều kiện xã hội nông thôn Việt Nam: nó vừa bảo đảm quá trình hạt nhân hóa tiến bộ, vừa bảo đảm nhu cầu mọi mặt, đặc biệt là sự cân bằng tâm lý và tình cảm, của đời sống người già, lợi ích giáo dục và phát triển các truyền thống văn hoá gia đình. Với những nguyện vọng phổ biến đã nêu, trong điều kiện hạn chế sinh đẻ, mỗi gia đình chỉ có 1 đến 2 con, chắc cho n ở nước ta trong tương lai sẽ phổ biến là hai kiểu gia đình đó .

II. CÁC TRUYỀN THỐNG TRONG TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH.

Dưới ảnh hưởng lâu dài và sâu sắc của Nho giáo, cách tổ chức đời sống gia đình Việt Nam nói chung, ở nông thôn nói riêng, đã mang những nét đặc thù của kiểu tổ chức theo thứ bậc, phận vị nghiêm ngặt trong gia đình

¹. Đoàn Kim Thắng. *Quan niệm của người nông dân Việt Nam về đẻ con trai và đẻ con gái*. Tạp chí xã hội học số 4/1985, tr.43 (bảng 2)

cũng như trong xã hội². Xem xét sự bảo lưu truyền thống này trong hiện tại chúng tôi giới hạn mục tiêu nghiên cứu sự biến đổi của các truyền thống tổ chức gia đình ở nông thôn Việt Nam trong một số mối quan hệ sau đây.

1. Vai trò chỉ huy trong gia đình.

Chế độ gia trưởng là đặc trưng cho kiểu tổ chức đời sống gia đình ở nông thôn Việt Nam trước đây Trải qua gần một nửa thế kỷ biến động cách mạng theo hướng dân chủ hóa các quan hệ con người trong gia đình và xã hội, truyền thống gia trưởng đã thay đổi như thế nào trong ý thức và trên thực tế. đời sống xã hội nông thôn? Để tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi đã đưa ra hai câu hỏi thăm dò. 1) Đánh giá thứ tự vai trò chỉ huy của các thành viên trong gia đình. 2) Người đề xuất chính các kế hoạch làm ăn trong gia đình.

Với câu hỏi thứ nhất, các kết quả thu được thật bất ngờ: tất cả (100%) những người được hỏi ở cả ba nhóm tuổi đều coi vị trí thứ nhất thuộc về ông, bà; thứ hai-cha; thứ ba-mẹ; thứ tư-con trai cả Với câu hỏi thứ hai, tất cả những người được hỏi ở nhóm tuổi 60 - 83 đều trả lời là do con định liệu, ở nhóm tuổi 40-55 - bản thân định liệu cùng với con trai lớn, ở nhóm tuổi 20-35 - do bố mẹ định liệu là chính, còn khi đã ở riêng thì tự định liệu, nhưng có hỏi ý kiến bố mẹ.

Xem xét tổng hợp các kết quả trả lời của hai câu hỏi trên có thể rút ra hai điểm cơ bản. Thứ nhất, nội dung "tam tòng" trong chế độ gia trưởng đã không còn ngự trị nặng nề như trước, vai trò của người phụ nữ đã được đề cao. Thứ hai, quyền chỉ huy theo thứ bậc gia trưởng chỉ còn tồn tại như một hình thức lễ giáo trong cư xử, còn quyền quyết định thực sự thì được giao cho người có lực lượng vật chất và kinh nghiệm làm ăn - thế hệ trung niên.

2. quan hệ vợ chồng trong phân công trách nhiệm

Đặc điểm truyền thống của quan hệ vợ chồng trong gia đình Việt Nam trước đây là phận vị lệ thuộc và chức năng "tề gia nội trợ" của người phụ nữ, thể hiện tổng quát trong sự phân định trách nhiệm: người chồng toàn quyền quyết định những việc lớn trong gia đình và tham gia việc làng, việc họ; người vợ chỉ biết đến công việc nội trợ trong gia đình, không có vai trò định đoạt những việc lớn.

Trong những thập kỷ qua, các quan hệ này đã thay đổi nhiều. Tuy nhiên, những thay đổi diễn ra không đồng nhất ở các địa phương, nó bị chi phối bởi nhiều yếu tố và điều kiện cụ thể. Chẳng hạn đối với câu hỏi được đưa ra - có cần phân công việc nội trợ riêng cho phụ nữ, các công việc lớn cho nam giới hay không, - ở Văn Nhân đã có ba loại ý kiến trả lời: cần phân chia nghiêm ngặt (66% ở lứa tuổi 60-83 và 10% ở lứa tuổi 20-35); không cần phân chia (tương ứng ở 3 nhóm tuổi là 34%, 40%, 35%); cần phân chia, nhưng khi cần ai làm cũng được (60% ở lứa tuổi 40-55 và 55% ở lứa tuổi 20-35)

Song ở Điện Hồng, tất cả những người được hỏi thuộc các họ Lê, Nguyễn, Phạm, Phan đều cho rằng cần phân định nghiêm ngặt. Đàn ông không thể làm công việc nội trợ.

Với các kết quả như trên thật khó đưa ra những nhận xét xác định nào đó về các yếu tố gây nên sự biến đổi tiến bộ của các quan hệ. Vì vậy chúng tôi đã tìm hiểu thêm những điều kiện lịch sử ảnh hưởng đến quá trình biến đổi này.

Ở xã Văn Nhân có ba thôn. Họ Phùng, như đã nói chiếm 90% dân cư thôn Văn Minh. Nếu như ở các họ khác, từ hàng trăm năm nay, việc phân định công việc nội trợ cho phụ nữ đã thành truyền thống, thì đối với họ Phùng lại không có truyền thống này. Lý do chính nhất, theo chúng tôi là họ Phùng cư ngụ ở địa bàn thuận lợi giao thông và giao lưu xã hội, cho nên việc buôn bán là nghề phụ phổ biến do phụ nữ đảm đương. Việc buôn bán chiếm nhiều thời gian của phụ nữ, đồng thời những thu nhập cao đem lại địa vị cho họ trong gia đình. Do vậy người đàn ông buộc phải thay thế phụ nữ trong nhiều công việc nội trợ và đồng áng. Dần dần thành thói quen. Trong khi đó, chẳng hạn, họ Nguyễn ở thôn Chanh cho đến nay vẫn chỉ biết làm ruộng và nghề mộc truyền thống, họ không biết và cũng không thích buôn bán. Người đàn ông sau vụ cấy, bừa lại bắt tay vào nghề

² Xem: Trần Đình Hượu. *Về gia đình truyền thống Việt Nam với ảnh hưởng Nho giáo*, Tạp chí Xã hội học số 2/1989, tr. 25.

mộc; mọi việc nội trợ, chăm bón ruộng vườn đều do phụ nữ đảm nhận. Nghề mộc có thu nhập cao, tạo ra địa vị kinh tế quan trọng của người đàn ông.

Khi xét đến tất cả những khía cạnh này có thể nhận thấy sự biến đổi tiến bộ của các quan hệ phân công công việc vợ - chồng không chỉ chịu tác động của các quá trình tiến hoá chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, mà còn có ảnh hưởng của những yếu tố và điều kiện đặc thù của địa phương.

3. Các quan hệ anh em

Quan hệ anh em, thể hiện trong các nguyên tắc gia phong về "quyền" và "nghĩa vụ" tương xứng đối với nhau, cũng là một loại quan hệ theo thứ bậc, phận vị nghiêm ngặt trong chế độ gia trưởng.

Các kết quả thăm dò ý kiến của dân cư về quan niệm quyền huynh thế phụ" và "kiến giả nhất phận" thu được ở Văn Nhân cho thấy đối với thế hệ trung niên và thanh niên, quan hệ anh em không còn tính chất khắt khe, bất di bất dịch như trước đây. Thực ra, quan niệm "anh em kiến giả nhất phận" sau khi đã lập gia đình riêng không phải là mới, nhưng có lẽ đó là nhu cầu của đời sống hiện thực hơn là mong muốn chủ quan của các bậc cha mẹ, đặc biệt là đối với thế hệ già.

ở nhóm độ tuổi thanh niên (20-35) có tới 75% người được hỏi đã đánh giá cao mối liên hệ anh em. Có lẽ trong bối cảnh hiện nay, việc chung sức, chung tài để làm ăn kinh tế đang là một nhu cầu hiện thực. Điều này đòi hỏi sự tin cậy đặc biệt với nhau. Về mặt này không gì bằng quan hệ anh em ruột thịt.

Những nghiên cứu ở Điện Hồng cũng cho các kết quả tương tự.

4. Các quan hệ định hướng nghề nghiệp cho con cái.

Một trong những nét truyền thống của gia đình Việt Nam nổi chung là bố mẹ sắp đặt và quyết định nghề nghiệp cho con cái. ở đây có cả hai yếu tố tác động: chế độ gia trưởng và tâm lý mong muốn con nối nghiệp cha. Trong điều kiện như thế, khả năng lựa chọn và mở rộng hướng nghề nghiệp đã là rất hạn chế đối với thanh niên. Hiện nay truyền thống này đã thay đổi cả trong ý thức cũng như trong cuộc sống hiện thực. Các kết quả điều tra của chúng tôi cho thấy, nổi chung các thế hệ lớn tuổi vẫn thích lựa chọn, định hướng nghề cho con, nhưng ở nhóm tuổi trung niên chỉ còn 50% ý kiến loại này. Các bậc cha mẹ ít nhiều đã giành cho con cái quyền tự lựa chọn nghề (20%) hoặc tự mình không quyết định mà để tùy tình hình, chỉ gợi ý cho con cái (30%). ở đây có thể có hai lý do chính. 1) Các bậc cha mẹ ngày càng bất lực trong việc tạo nghề nghiệp và việc làm cho con, và 2) hiện nay đã xuất hiện nhiều nghề đòi hỏi sự đào tạo chuyên môn nhất định mà bố mẹ không hề biết đến. Tất cả những điều này tạo cho thanh niên khả năng tự do lựa chọn nghề nghiệp. Tất nhiên trong điều kiện hiện nay, khả năng có được một nghề theo sở thích còn là việc khó khăn. Cho nên giữa quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp và khả năng có nghề nghiệp phù hợp còn có một khoảng cách xa. Mặc dù vậy sự biến đổi của các quan hệ này là tích cực và cần thiết cho việc giải phóng năng lực lao động sáng tạo của thanh niên.

5. Các quan hệ kinh tế trong gia đình

Trong điều kiện sản xuất tiểu nông khép kín, tự cung tự cấp, kinh tế gia đình nông dân mang nặng tính duy trì - duy trì sản Xuất để duy trì việc đáp ứng nhu cầu sống đơn giản của gia đình. Nền kinh tế đó không định hướng theo mục tiêu đầu tư tái sản xuất mở rộng, do đó sự tích lũy chỉ nhằm mục đích tích trữ cho tiêu dùng gia đình đề phòng bất trắc và truyền lại cho đời sau, được giao cho người phụ nữ cán cơ, thường là người vợ của chủ gia đình quản lý. Đó là tập quán lâu đời trong các gia đình nông dân Việt Nam:

Mặt khác, chế độ gia trưởng đòi hỏi xây dựng quỹ gia đình tập trung, ngay cả khi các thành viên khác, ngoài bố mẹ ra, đã kiếm được thu nhập bằng lao động nông nghiệp chung hoặc lao động nghề nghiệp riêng của mình. Người đàn ông chủ gia đình giành quyền quyết định những chi tiêu lớn từ quỹ gia đình này.

Trải qua thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp và trong điều kiện kinh tế mới với sự bắt đầu hình thành hệ thống kinh tế hộ nông dân sản xuất hàng hóa. các quan hệ kinh tế truyền thống trong gia đình nông dân đã bắt đầu biến đổi. Chúng tôi đã tìm hiểu vấn đề này qua các chỉ báo về việc xây dựng, quản lý và sử dụng quỹ gia đình.

Các kết quả thu được cho thấy, tuyệt đại đa số người được hỏi ở cả 3 nhóm tuổi đều coi trọng hình thức quản lý đại gia đình là tập trung và người quản lý là mẹ (hoặc vợ). Riêng về quyết định chi lớn có một tỉ lệ đáng kể

(35%) ở lứa tuổi 20-35 cho rằng cả hai vợ chồng cùng quyết định. Ngoài ra chúng tôi xin lưu ý hai điểm. Một là, theo các kết quả nghiên cứu nông thôn do Viện Xã hội học tiến hành từ năm 1983 đến 1989 ở miền Bắc Việt Nam thì việc sử dụng thu nhập của gia đình nông dân được ưu tiên trước hết cho mục đích làm nhà ở (37, 3-41, 2% người được hỏi); tiếp theo là cho mục đích cưới xin (12,1 - 38,2%), sau nữa là mua sắm đồ dùng quý và gửi tiết kiệm. Trong khi đó mức đầu tư cho sản xuất phổ biến là 5-10% thu nhập. Hai là, những điều kiện kinh tế mới chưa làm thay đổi mạnh mẽ tính bảo thủ, an phận, tâm lý "chắc ăn" của những thế hệ nông dân lớn tuổi, mà mới chỉ bắt đầu khuyến khích và lôi cuốn tầng lớp trẻ vào việc làm ăn lớn. Nhưng tầng lớp trẻ lại không có tiềm lực vật chất lớn và không có vai trò quyết định những chi dùng lớn, những khoản đầu tư lớn.

Như vậy, những biến đổi trong quan hệ kinh tế gia đình dù đã bắt đầu thấy rõ, nhưng vẫn còn bị cản trở bởi những quan hệ gia trưởng nhất định. Tất cả mới chỉ là tiền đề thuận lợi, chưa có sự giải phóng hoàn toàn cho hoạt động kinh tế mở, cho tính năng động của tầng lớp trẻ ở nông thôn. Đó cũng là một trong những lý do giải thích tại sao cho đến nay tiềm lực đầu tư sản xuất lớn ở nông thôn chưa được phát huy, chưa xuất hiện nhiều điển hình đầu tư sản xuất hàng hóa lớn trong cả sản xuất nông nghiệp lẫn nghề phụ.

Tuy chưa đủ cơ sở để có thể đưa ra những kết luận chắc chắn, nhưng có thể nhận xét rằng tất cả những biến đổi nêu trên của các truyền thống và tập quán trong quan hệ tổ chức đời sống gia đình ít nhiều đã thể hiện những nét tiến bộ, phù hợp với những đòi hỏi của hiện thực kinh tế xã hội.

III. CÁC TRUYỀN THỐNG TRONG QUAN HỆ VĂN HÓA GIA ĐÌNH

Theo chúng tôi, có thể đưa vào khai niệm văn hoá gia đình nhiều nội dung: các quan hệ đạo lý, phép tắc, lễ thói trong cư xử và trình hoạt, các quan hệ tình cho, việc giáo dục con cháu, các tập quán giỗ chạp, thờ cúng tổ tiên. . . vì vậy, đây là vấn đề rất phức tạp và đa dạng. Bước đầu chúng tôi mới tìm hiểu một số nét biến đổi trong các quan hệ sau đây:

1 - Ý thức về gia phong.

Có thể coi gia phong là trạng thái trật tự các quan hệ gia đình được hình thành nên trên cơ sở những phép tắc, lễ thói, truyền thống, tập quán nhất định.

Trong những giai đoạn lịch sử kéo dài, gia phong trong các gia đình nông thôn đã đóng vai trò quan trọng trong việc kế thừa và phát triển các truyền thống văn hóa, trong việc giáo dục gia đình gạt bỏ các tác động xấu từ bên ngoài. Mặt khác, những chế định khắt khe của chế độ trưởng phong kiến cũng đã cản trở những tác động tích cực của quá trình hiện đại hóa xã hội, gò bó, kìm hãm sự phát triển sáng tạo của các thế hệ trẻ. Thực tế lịch sử của nhiều thập kỷ qua cũng cho thấy rằng khi thực hiện dân chủ hóa các quan hệ gia đình mà phủ nhận gia phong thì sẽ xóa bỏ vai trò giáo dục gia đình cũng như những nội dung đặc biệt của các quan hệ gia đình điều đó dẫn đến những hậu quả tai hại trong các quan hệ đạo đức và sinh hoạt xã hội. Ngược lại, duy trì một cách bảo thủ các truyền thống gia phong sẽ làm cho gia đình trở thành lực lượng đối lập với quá trình tiến bộ xã hội.

Chúng tôi đã đề nghị ba thế hệ đánh giá tầm quan trọng của gia phong trong điều kiện hiện nay và từ đó xét xem có nên duy trì, củng cố các truyền thống gia phong hay không.

Các kết quả thu được cho thấy, nếu như 100% số người được hỏi ở nhóm tuổi 60 -83 cho rằng cần duy trì các truyền thống gia phong như cũ, thì ở các nhóm tuổi 40-55 và 20-35 chỉ còn 60%. Có 30% ở nhóm tuổi 40-55 và 40% ở nhóm tuổi 20 - 35 cho rằng cần duy trì có gạt bỏ các truyền thống gia phong cũ. ở đây có hai điểm đáng lưu ý. Thứ nhất, trong ý thức của thanh niên, các truyền thống gia phong vẫn được tôn trọng. Để kiểm tra lại kết quả này, chúng tôi đã tìm hiểu tình hình thanh niên chậm tiến ở địa phương. Theo ý kiến của chính quyền ở đây thì số thanh niên lười biếng, hư hỏng chỉ là rất cá biệt. Có thể, trong điều kiện thành thị hoặc các vùng chịu ảnh hưởng nhiều của đô thị hóa, tình trạng này sẽ khác. Hơn nữa cũng có thể có những khác biệt lớn về mặt này giữa các gia đình thuộc các tầng lớp dân cư khác nhau. Rất tiếc là chúng tôi chưa có điều kiện nghiên cứu bổ sung để so sánh, kết luận.

Thứ hai, có 10% ở nhóm tuổi 40-55 cho rằng không cần duy trì các truyền thống gia phong.

Có thể tìm thấy sự lý giải cho hiện tượng này trong các hậu quả xã hội, được gây nên bởi việc thực hiện cực

đoan.. phiên diện quan điểm tập thể, bình đẳng và dân chủ hóa các quan hệ gia đình mà thực chất là sự đồng loạt hóa con người và biến gia đình thành cái bếp ăn tập thể thu nhỏ. Đây là nhóm tuổi ứng với thể hệ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của các quá trình xã hội này trong quá khứ.

2- Các quan hệ giáo dục gia đình.

Nhận thức về sự phát triển được người Việt Nam diễn đạt một cách đầy tính bản chất trong câu "con hơn cha là nhà có phúc". Có lẽ đây là cái cội nguồn của truyền thống coi trọng việc giáo dục con cái. Nhưng là "hơn cha", chứ không phải "hơn mẹ". Sự ảnh hưởng của tư tưởng gia trưởng trọng nam khinh nữ cổ lệ đã tham gia vào sự hình thành nên truyền thống về vai trò chính của người cha trong giáo dục gia đình.

Sự ưu tiên giáo dục học vấn đối với con trai và vai trò riêng của người mẹ trong việc rèn dạy con gái cũng là những nét truyền thống trong giáo dục gia đình Việt Nam từ xa xưa.

Các kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy sự biến đổi khá rõ rệt của những nét truyền thống nói trên. Trước hết, người bố không còn chiếm địa vị độc tôn trong giáo dục con cái; sự tham gia của người mẹ trong công việc này đã là phổ biến, đặc biệt là khi con cái còn nhỏ. Thứ hai, phần lớn trong số 1200 phụ nữ được hỏi ở lứa tuổi sinh đẻ (15-49) ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng Sông Hồng và ven biển miền Trung không phân biệt sự ưu tiên giáo dục học vấn giữa con trai và con gái, nhưng cũng không ưu tiên giáo dục "công, dung, ngôn, hạnh" cho con gái.

Đi sâu tìm hiểu tình hình giáo dục ở các địa phương này có thể nhìn nhận thấy tình trạng sút kém rõ rệt của hệ thống giáo dục phổ thông ở nông thôn hiện nay. Điều này cùng với những khó khăn về kinh tế - xã hội đã làm cho các bậc cha mẹ lẫn thanh niên học sinh không nhìn thấy triển vọng và do đó không muốn đầu tư cho việc học lên cao phần lớn chỉ có ý định cho con học hết cấp 2 hoặc cấp 3. Chẳng hạn ở ra Văn Nhân trong số 400 phụ nữ được hỏi chỉ có khoảng 10% muốn cho con học đến đại học. Tình hình này cộng với nhu cầu lao động trong điều kiện kinh tế hộ gia đình làm cho phần lớn học sinh thôi học ở lớp 8 (ở lứa tuổi từ 13 đến 15), quay về an phận với nghề nông và nghề mộc có truyền.

3. Những biến đổi trong một số tục lệ văn hóa

Nếu như đã có một thời kỳ dài sau cách mạng các tục lệ cũ ở nông thôn bị xoá bỏ trong các phong trào "đời sống mới", thì hôm nay ở các địa phương chúng tôi nghiên cứu đang có tình trạng khôi phục một số tục lệ cũ. Xin điểm qua một số nét trên cơ sở các kết quả khảo sát. Trong tục lệ cưới xin đang đồng thời diễn ra hai hiện tượng - một mặt là sự đơn giản hóa các thủ tục phiền phức, rút ngắn khoảng cách thời gian trong việc đặt vấn đề và quyết định hôn nhân, và mặt khác là xu hướng khôi phục các hình thức phô trương, ganh đua chi phí vật chất cho đám cưới.

Nói chung, đã có nhiều nét tiến bộ trong các tục lệ ma chay - nó được tiến hành hợp pháp luật hợp vệ sinh, đồng thời các truyền thống đạo lý nghĩa tử nghĩa tận" vẫn được duy trì và trân trọng.

Các tục lệ phúng viếng, lễ tang đang có xu hướng được khôi phục lại như những nét truyền thống văn hóa. Cùng với nó là việc tổ chức cỗ bàn, ăn uống trong các cuộc ma chay.

Việc thờ cúng tổ tiên cũng là truyền thống văn hóa trong các gia đình Việt Nam. Trước đây đã có thời kỳ các bàn thờ trong gia đình được bỏ sung hoặc thay thế bằng bàn thờ tổ quốc. Hiện nay ở tất cả các địa phương điều tra, trong tất cả các gia đình đều khôi phục lại bàn thờ tổ tiên. Ở Điện Hồng, chẳng hạn, trong 400 gia đình được điều tra đều có bàn thờ với cùng một kiểu cách giống nhau, chỉ khác về kích thước to nhỏ và mức độ sang trọng tùy theo gia cảnh.

Trong những năm gần đây ở cả Điện Hồng cũng như Văn Nhân, việc khôi phục các tục lệ giỗ chạp đã trở thành phong trào, chẳng hạn như việc tổ chức lễ thanh minh ở các tộc họ. Phong vấn đồng chí Chủ tịch huyện Phú Xuyên chúng tôi được biết, phong trào lễ thanh minh đã bắt đầu từ vài năm trước đây. Huyện đã cấm, nhưng không cấm được. Sau đó thấy rằng việc khôi phục truyền thống đạo lý này là cần, nó có tác dụng tốt về mặt đạo đức và xã hội (về vấn đề này xin xem thêm ở phần sau).

IV. CÁC TRUYỀN THỐNG TRONG QUAN HỆ GIA ĐÌNH HỌ HÀNG LÀNG XÓM

Ở nông thôn Việt Nam gia đình là đơn vị cộng đồng cơ bản, tiếp theo là cộng đồng dòng họ, mà Giáo sư Nguyễn Từ Chi gọi là "đơn vị chung tộc danh về phía bố"³, và rộng hơn nữa là cộng đồng làng. Từ xa xưa đã hình thành các mối quan hệ gắn bó đặc biệt giữa các cấp đơn vị cộng đồng này.

Các quan hệ họ hàng mang tính huyết thống gián tiếp, cho nên sự gắn bó ở đây là dễ hiểu.

Nhưng sự gắn bó đặc biệt theo quan hệ "người làng" thì không thể chỉ giải thích bằng các quan hệ cộng đồng sinh hoạt trong điều kiện khép kín, tự cung tự cấp, mặc dù yếu tố này là quan trọng. Ở đây cần tìm sự lý giải căn bản hơn.

Trước hết, cần bắt đầu từ khái niệm "làng". Lâu nay một số người hay dùng thuật ngữ "làng xã". Theo tôi, ở đây có sự ghép chung hai khái niệm khác nhau vào một thuật ngữ. Làng vốn dĩ là đơn vị dân cư tự nhiên, người ta gọi là *làng tự nhiên*⁴. Khi một cộng đồng dòng họ di cư đến một nơi cư trú mới, vì những lý do dễ hiểu, họ cụm lại thành một điểm dân cư, từ đó cũng hình thành làng tự nhiên, thực chất đó là cộng đồng xã hội của một dòng họ cơ bản, cố thể coi là *làng họ*. Sau đó các quá trình vận động dân cư đã lâm pha tạp dần thành phần dòng họ trong các làng. Do đó, sự gắn bó của quan hệ "người làng" bắt nguồn từ sự gắn bó của họ hàng.

Trong quá trình phát triển các hệ thống hành chính, "xã" đã xuất hiện như một đơn vị hành chính - lãnh thổ từ nhiều làng gộp chung lại. Như vậy, làng là đơn vị dân cư tự nhiên, *hình thành* trên cơ sở một cộng đồng dòng họ chủ yếu, còn xã là cộng đồng dân cư của đơn vị hành chính - lãnh thổ, được phân *chia* theo ý chí chủ quan của quyền lực nhà nước. Không thể hiểu bản chất của quan hệ "người làng" nếu xem xét nó trong khái niệm "làng xã". Tiềm đây xin nói thêm, việc tổ chức đơn vị hành chính - lãnh thổ theo kiểu "xã" ít nhiều đã phá vỡ tính gắn bó đặc biệt vốn có trong cộng đồng làng, do các quan hệ họ hàng hoặc do kết quả "cảm ứng" của các quan hệ này tạo nên.

Các kết quả nghiên cứu ở Điện Hồng và Văn Nhân là những thực tế minh họa nhận xét trên.

Chẳng hạn, họ Lê hiện còn chiếm 50% dân cư ở xã Điện Hồng và Điện Quang, xưa là làng Văn Ly trên hai bờ sông Thu Bồn. Theo gia phả còn giữ được của họ Lê thì tiền nhân của tộc Lê Văn là Lê Văn Cảnh - một trong 281 tướng của nhà Lê, vâng sắc chỉ nam thiên lập ấp tại đây. Làng họ Lê hình thành nên ở đây từ năm 1446. Năm 1472 Lê Phước Thôi, cũng là tướng nhà Lê, đã vào đây lập ấp góp công xây dựng nên làng Văn Ly.

ở xã Văn Nhân, theo các cụ cao tuổi trong các hội đồng họ tộc, các họ chiếm số đông (Phùng, Nguyễn, Trần) ở ba thôn hiện nay đã đến đây cư ngụ từ khoảng 300 năm nay. Hiện ở mỗi thôn vẫn còn giữ được đình, chùa và miếu của làng cũ. Tính gắn bó đặc biệt của các quan hệ họ hàng, làng xóm tạo ra cho các cộng đồng khả năng gây ảnh hưởng mạnh lên các quá trình tiến hóa xã hội, cũng như lên sự tiếp nhận tác động ngược lại của các quá trình này. Do đó, nghiên cứu tiếp tục sự biến đổi các truyền thống quan hệ gia đình - họ hàng - làng xóm là điều có ý nghĩa hiện thực nhiều mặt.

1. Các quan hệ phân chia theo ngành (chi) và họ nội - họ ngoại.

Một trong những nét truyền thống nổi bật của các quan hệ họ hàng là sự phân biệt thứ bậc tôn ty theo ngành (chi) và mức độ gắn bó thân thiết theo dòng cha (bên nội, họ nội) và dòng mẹ (bên ngoài, họ ngoại). ở đây cũng thể hiện dấu ấn của tư tưởng nho giáo và chế độ gia trưởng phong kiến.

Các kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy sự thay đổi rõ nét trong ý thức của các thế hệ đối với các quan hệ này.

³ Nguyễn Từ Chi. *Nhận xét bước đầu về gia đình của người Việt* Tạp chí Xã hội học số 2/1989.

⁴ Xem thêm: Mead Cain và Geoffrey Menicoll *Population Growth and Agrarian Outcomes*, trong Population, Food and Rural Development, Clarendon Press, Oxford, 1968.

2. Các quan hệ thăm viếng, giúp đỡ

Sự gắn bó họ hàng được thể hiện cả trong các quan hệ thăm viếng, giúp đỡ lẫn nhau. Trong điều kiện xã hội nông thôn khép kín thì các quan hệ này có vai trò quan trọng đối với đời sống cộng đồng cả về vật chất lẫn tinh thần. Cùng với sự phát triển xã hội thì việc thực hiện các quan hệ này không còn là nhu cầu nhất thiết. Ít nhất là xét về mặt vật chất, và do đó vai trò của nó cũng thay đổi cả về mặt tinh thần. Tuy nhiên, tính đạo lý (theo quan niệm truyền thống) của các quan hệ thăm viếng, giúp đỡ tạo ra ý thức tôn trọng và duy trì chúng như một yếu tố của đời sống văn hóa. Vì vậy các chỉ báo về sự thay đổi các quan hệ này cho phép đánh giá trình độ phát triển về xã hội và văn hóa của các cơ cấu cộng đồng dân cư.

Các kết quả trưng cầu ý kiến đánh giá tầm quan trọng của nghĩa vụ thăm viếng và giúp đỡ trong họ hàng cho thấy không có sự biến đổi đáng kể trong ý thức của các thế hệ lớn tuổi. Đối với thanh niên, có 85% ý kiến coi việc thăm viếng họ hàng là quan trọng. Ở đây có thể có hai lý do - sự gắn bó tình cảm họ hàng và các điều kiện giao tiếp, giải trí, văn hoá - tinh thần ở nông thôn hiện nay rất nghèo nàn, đặc biệt là đối với thanh niên, cho nên, thăm viếng anh em, họ hàng cũng là một cách đáp ứng nhu cầu văn hoá - tinh thần của họ. Cũng ở nhóm tuổi thanh niên có 25% ý kiến "coi sự giúp đỡ nhau trong họ hàng là không quan trọng vì những đối tượng thực sự cần giúp đỡ thì đã có tập thể, xã hội lo theo chế độ, chính sách; còn lại thì ai cũng tự lực cánh sinh là chính, sự giúp đỡ không có nghĩa lý gì.

3. Việc củng cố các quan hệ họ hàng và những ảnh hưởng đối với xã hội

Hiện nay ở nhiều vùng nông thôn nước ta đang phát triển một hiện tượng dễ nhận thấy. Đó là sự củng cố các liên kết họ hàng. Trong điều kiện một xã hội đang phát triển, quá trình xã hội hóa các quan hệ chưa đạt tới trình độ cao thì theo chúng tôi, thứ nhất, sự củng cố các quan hệ họ hàng là hiện tượng tất nhiên do những yếu tố nội tại của chúng quy định; thứ hai, phạm vi hạn định của các quan hệ này do tính huyết thống quy định, cho nên sự hình thành các lợi ích cục bộ của cộng đồng họ mạc cũng là tất nhiên. Do đó, trong những trường hợp nhất định sẽ dẫn đến Sự đụng độ của các lợi ích này với lợi ích chung của xã hội, nếu uy tín của lực lượng quản lý xã hội không đủ để điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ lợi ích này. Từ đây dễ hiểu rằng việc củng cố các quan hệ họ hàng ở một số vùng nông thôn nước ta hiện nay có thể có cả tác động tích cực lẫn tiêu cực.

Ở Điện Hồng và Điện Quang, là các xã thuần nông, một số họ lớn đều tổ chức các hội đồng họ tộc và sinh hoạt định kỳ. Một trong những hoạt động của các hội đồng này là lập lại gia phả của dòng họ. Có họ (chẳng hạn Lê tộc) còn dự định in ấn gia phả và phát cho các gia đình trong họ.

Việc tổ chức tết thanh minh, như đã nói, cũng đang trở thành phong trào ở các địa phương nói trên. Thêm vào đó, mồ mả tổ tiên được quy tụ, sửa sang và xây đắp rất công phu. Chẳng hạn, mộ tổ của Lê tộc ở Điện Quang vừa được xây dựng lại với chi phí 112 triệu đồng (lấy từ tiền quyên góp trong họ).

Việc tổ chức giỗ chạp không chỉ khôi phục trong các gia đình, mà cả trong các chi họ. Hiện nay ở Điện Hồng nhiều họ tộc đã xây nhà thờ họ của mình với kích thước và kiểu cách rất khác nhau.

Ở Văn Nhân, một xã tương đối thuần nông của đồng bằng Bắc Bộ, việc khôi phục các liên kết dòng họ không bộc lộ ra trong những hình thức ồn ào dễ thấy, ngoài việc tổ chức lễ thanh minh hàng năm. Với câu hỏi "có cần củng cố quan hệ họ hàng hay không", các kết quả thu được cho thấy một điểm đáng chú ý. Về mức độ cần thiết của việc củng cố các quan hệ họ hàng, trong khi 80% ở nhóm tuổi 60-83, 60% ở nhóm tuổi 20-35 cho là rất cần, thì ở nhóm tuổi 40-55 là 100%. Phải chăng đây là lứa tuổi cọ xát trực tiếp nhất với những đụng độ giữa lợi ích cục bộ dòng họ và lợi ích của cộng đồng xã hội chung ở địa phương? Và phải chăng điều này có thể minh họa một phần về hiện tượng củng cố kết dòng họ vì quyền lực và những lợi ích khác, vốn đang bộc lộ ở một số vùng nông thôn?

Các kết quả thăm dò ý kiến về đánh giá tác động của các cộng đồng gia đình, dòng họ đối với xã hội cũng thể hiện một logic như vậy. 100% ở nhóm tuổi 60-83 và 35% ở nhóm tuổi 20-35 trả lời "không rõ" 90% ở nhóm tuổi 40-55 và 65% ở nhóm tuổi 20-35 cho là có tác động tốt. Ở đây một lần nữa lại thể hiện sự quan tâm nhiều nhất của nhóm tuổi 40-55 đối với mối quan hệ họ hàng - xã hội.

Đại diện một số dòng họ lớn và chính quyền xã Điện Hồng đều cho rằng các cộng đồng gia đình và dòng họ

có tác động tốt đối với xã hội, đặc biệt là trong việc giáo dục thanh, thiếu niên chậm tiến .

Tuy nhiên, các cuộc phỏng vấn sâu với một số nhóm tuổi khác nhau ở nhiều địa phương cũng cho thấy những khía cạnh tiêu cực trong các quan hệ xã hội này. Đó là, tệ ganh đua phô trương hình thức trong việc phục hồi một số hủ tục, tình trạng ngấm ngấm kỳ thi nhau giữa các cộng đồng dòng họ, sự liên kết có tính chất bè phái vì mục đích tranh giành quyền lực và các lợi ích cục bộ v. v. . . Thiết nghĩ, đó cũng là những hiện tượng khó tránh trong các phong trào xã hội tứ phát, thiếu sự điều chỉnh cần thiết và kịp thời từ phía bộ máy nhà nước.

KẾT LUẬN

Như những cơ cấu hiện thực, các cộng đồng gia đình, dòng họ, làng xóm cùng với những truyền thống của mình đã trải qua những biến đổi lớn lao trong nửa thế kỷ qua. Cơ thể hình dung quá trình này một cách đại thể: từ sau cách mạng tháng 8-1945 và trải qua hai cuộc kháng chiến, các truyền thống cũ đã bị thay đổi hoặc xóa bỏ trong các phong trào đời sống mới, trong quá trình thực hiện bình đẳng và dân chủ hóa với các biện pháp nhiều khi phiến diện, cực đoan và trong những điều kiện khắc nghiệt của 30 năm chiến tranh. Tất cả những yếu tố này đã không tạo ra những khả năng gạn lọc và kế thừa hợp lý các truyền thống cũ. Kết quả tất yếu là cùng với các hủ tục, nhiều truyền thống tốt đẹp cũng bị lãng quên hoặc bị tổn hại.

Tuy nhiên, trong điều kiện nông thôn, có lẽ do tính bảo thủ, tính ngoan cố đặc biệt, cũng như sự ràng buộc với nhau của các cộng đồng gia đình, dòng họ, làng xóm, cho nên một số nét truyền thống đạo lý - tinh thần còn được giữ gìn đặc biệt, mặc dù cũng đã có những biến đổi. Đây cũng là một trong những lý do để chúng tôi chọn gia đình nông dân thuần' nông làm mặt bằng xuất phát cho việc nghiên cứu vấn đề đã đặt ra.

Các kết quả điều tra bước đầu về những biến đổi của các truyền thống gia đình nông thôn hôm nay cho thấy một bức tranh còn mờ nhạt, trong đó có cả những nét tiến bộ và chưa tiến bộ, tốt và xấu thuận lợi và chưa thuận lợi, những sự xáo trộn cũ và mới. Có lẽ đó cũng là sự phản ánh hiện trạng khách quan: quá trình gạn lọc và kế thừa truyền thống cũ còn chưa ổn định, cái mới chưa trọn vẹn, chưa khẳng định được mình.

Xã hội đã và đang đặt ra những đòi hỏi bức bách đối với việc nghiên cứu về gia đình và mối quan hệ tương tác của nó với các quá trình xã hội khác nhau. Hơn nữa, nếu như gia đình có vai trò quyết định trong việc duy trì và tái tạo xã hội cả về lượng và về chất; nếu như gia đình vừa tác động trực tiếp lên tất cả các quá trình xã hội vừa là yếu tố gạn lọc trong quá trình kế thừa và phát triển, tạo ra sự cân bằng cho quá trình tiến hóa; nếu như gia đình là điểm hội tụ nhiều sự ràng buộc đối với mỗi con người xã hội trong vô số các quan hệ của nó; và nếu như gia đình là căn cứ xuất phát điểm của việc nghiên cứu nhiều vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội khác nhau, thì rõ ràng là việc nghiên cứu gia đình và đời sống của nó có ý nghĩa căn bản, xét theo mọi quan điểm.

Do đó, theo chúng tôi đã đến lúc cần phải coi việc nghiên cứu về gia đình như một chương trình khoa học lớn, trong đó có kế hoạch từng bước triển khai các mảng đề tài cơ bản, đại thể như sau:

1. Sự vận động và phân hóa của các loại gia đình dưới tác động của các cuộc vận động cách mạng - xã hội trong nửa thế kỷ qua ở nước ta.
2. Những biến đổi truyền thống, tập quán sinh hoạt và đời sống, định hướng giá trị của các loại gia đình ở các khu vực khác nhau, thuộc các tầng lớp khác nhau dưới ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa những điều kiện sinh hoạt vật chất, văn hóa, thông tin và giao lưu xã hội.
3. Gia đình trong mối quan hệ với dân số, lao động xã hội và phát triển nông thôn.
4. Vấn đề giáo dục gia đình, các mối quan hệ của nó với giáo dục phổ thông, dạy nghề và giáo dục xã hội.
5. Gia đình trong những điều kiện kinh tế mới theo hướng thị trường hoá các quan hệ kinh tế
6. Gia đình trong mối quan hệ với hệ thống chính trị và pháp luật.
7. Các quan hệ cộng đồng gia đình - họ mạc - làng xóm. Vai trò xã hội của các cộng đồng này.
8. Gia đình và các quan hệ giao lưu văn hóa giữa các dân tộc và các quốc gia.

Để kết thúc bài này, xin cô một sự khẳng định: trong khi thừa nhận những tác động mạnh mẽ của các quá trình xã hội lên gia đình, suy đến cùng, vẫn phải coi gia đình là vườn ươm những nhân cách xã hội. Vì vậy, nghiên cứu đề tác động tích cực lên quá trình phát triển tiến hoá của gia đình và đời sống của nó chính là sự chăm lo căn bản đến lợi ích của tiến bộ xã hội nói chung.